|  |  |
| --- | --- |
| Lệnh -SQL | Ý nghĩa |
| ALTER TABLE [dbo].[OrderDetails] WITH CHECK ADD CONSTRAINT [FK\_OrderDetails\_Orders] FOREIGN KEY([OrderId])  REFERENCES [dbo].[Orders] ([Id])  ON UPDATE CASCADE  ON DELETE CASCADE | + Cập nhật bảng [OrderDetails] kiểm tra và thêm ràng buộc [FK\_OrderDetails\_Orders] Khóa ngoài là cột OrderId và tham chiếu là cột Id của bảng [Orders]  + Khóa ngoại với Cascade Delete nghĩa là nếu một bản ghi trong bảng mẹ bị xóa thì bản ghi tương ứng trong bảng con cũng sẽ tự động bị xóa |
| ALTER TABLE [dbo].[OrderDetails] CHECK CONSTRAINT [FK\_OrderDetails\_Orders] | Kiểm tra ràng buộc |
| ALTER TABLE Persons  DROP CONSTRAINT CHK\_PersonAge; | Xóa ràng buộc |
| ALTER TABLE [dbo].[Customers] ADD CONSTRAINT [DF\_Customers\_Photo] DEFAULT (N'Photo.gif') FOR [Photo] | Cập nhật bảng Customers thêm ràng buộc [DF\_Customers\_Photo] cho cột [Photo] giá trị mặc định là ‘Photo.gif’ (N là kiểu kí tự Unicode -NText) |
| SET IDENTITY\_INSERT [dbo].[Products] ON  INSERT [dbo].[Products] ([Id], [Name], [UnitPrice], [Image], [ProductDate], [Available], [CategoryId], [Quantity], [Description], [Discount], [ViewCount], [Special]) VALUES (1001, N'Aniseed Syrup Star', 190, N'1001.jpg', CAST(0xD6070B00 AS Date), 1, 1000, 190, N'JavaScript’, 0, 1, 0)  Hoặc  INSERT [dbo].[Products] (~~[Id],~~ [Name], [UnitPrice], [Image], [ProductDate], [Available], [CategoryId], [Quantity], [Description], [Discount], [ViewCount], [Special]) VALUES (~~1001,~~ N'Aniseed Syrup Star', 190, N'1001.jpg', CAST(0xD6070B00 AS Date), 1, 1000, 190, N'JavaScript’, 0, 1, 0) | Bật ghi đè giá trị tự sinh trong bảng (giá trị trong IDENTITY)  Hoặc  Loại bỏ giá trị cột tự sinh khi insert một dòng mới |
| SET IDENTITY\_INSERT [dbo].[Products] OFF | Tắc ghi đè giá trị tự sinh trong bảng |
| INSERT [dbo].[OrderDetails] ([Id], [OrderId], [ProductId], [UnitPrice], [Quantity], [Discount]) VALUES (100005, 10249, 1051, 42.4, 40, 0) | Insert một bảng ghi |
| USE [eStore] | Sử dụng database eStore |
| SET ANSI\_NULLS ON |  |
| SET QUOTED\_IDENTIFIER ON |  |
| CREATE TABLE [dbo].[Categories](  [Id] [int] IDENTITY(1,1) NOT NULL,  [Name] [nvarchar](50) NOT NULL,  [NameVN] [nvarchar](50) NOT NULL,  CONSTRAINT [PK\_Categories] PRIMARY KEY CLUSTERED  (  [Id] ASC  )WITH (PAD\_INDEX = OFF, STATISTICS\_NORECOMPUTE = OFF, IGNORE\_DUP\_KEY = OFF, ALLOW\_ROW\_LOCKS = ON, ALLOW\_PAGE\_LOCKS = ON) ON [PRIMARY]  ) ON [PRIMARY] | Tạo bảng Categories với các cột Id, Name, NameVN. Trong đó có ràng buộc PK\_Categories với khóa chính là cột Id theo thứ tự tăng dần |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |